

II. XÂY DỰNG THỂ TRẬN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN VỮNG MẠNH

Bước vào thực hiện đường lối đổi mới, tình hình chính trị trong nước và quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp. Các thế lực phản động ráo riết hoạt động hòng phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tình hình biên giới phía Bắc tiếp tục diễn biến phức tạp. Ngày 21-7-1986, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) ra Nghị quyết số 33-NQ/TW *Về nhiệm vụ quốc phòng 5 năm (1986-1990)*. Quán triệt Nghị quyết số 33 của Bộ Chính trị, ngày 11-3-1987, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 03-NQ/TU *Về nhiệm vụ quân sự địa phương*. Nghị quyết yêu cầu: Chỉ huy các cấp trong tỉnh phải thường xuyên làm tốt công tác tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Đồng thời duy trì chặt chẽ chế độ sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với quốc phòng, tạo ra hậu cần tại chỗ, vận động toàn dân chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội. Để bảo vệ vùng biển của địa phương, ngày 18-4-1989, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị *Về tăng cường công tác biên phòng*. Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh quân khu 3 và sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy quân sự các huyện, thị xã chủ động, tích cực tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ và nhân dân thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.

Tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ hai nhiệm vụ chiến lược *xây dựng và bảo vệ Tổ*

quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; thấu suốt quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân trong tình hình mới.

Năm 1986, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tiến hành rút gọn các trung đoàn bộ đội địa phương thành các khung dự bị động viên. Cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Ban Chỉ huy quân sự các huyện, thị được củng cố về tổ chức, tinh giảm biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, theo hướng chính quy, tinh nhuệ và hiện đại.

Quán triệt Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 30/7/1987 của Bộ Chính trị về xây dựng khu vực phòng thủ; Chỉ thị số 56/HĐBT, ngày 11/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về xây dựng tỉnh, thành phố thành khu vực phòng thủ, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam Ninh thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc và diễn tập PH-90. Qua đó, có thêm kinh nghiệm về chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang và củng cố quốc phòng ở cơ sở, nhất là kế hoạch A2 chống gây rối, bạo loạn.

Quán triệt Chỉ thị số 55-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VI) *Về tăng cường lãnh đạo xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và dự bị động viên trong tình hình mới*, tỉnh Hà Nam Ninh đã tiến hành khảo sát và chấn chỉnh xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ theo hướng giảm số lượng, tăng cường chất lượng, bảo đảm tỷ lệ, quy mô phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ từng địa bàn. Qua đó, đến hết năm 1990, tỷ lệ dân quân chiếm 1,6% dân số, tự vệ chiếm 14% số cán bộ, công nhân viên. Toàn tỉnh có 513 phân đội dân quân, tự vệ cơ động mạnh ở cơ sở. Với

phương châm “*xếp gân, xếp gọn, xếp đúng chuyên nghiệp quân sự*”, các đơn vị của tỉnh và 24 tiểu đoàn dự bị động viên của các huyện, thành phố, thị xã từng bước nâng cao chất lượng, nâng tỷ lệ xếp đúng chuyên nghiệp quân sự 65% đến 80%. Hai năm (1989-1990), tỷ lệ động viên lên trạm đạt từ 94% đến 98%, cùng với việc củng cố, chấn chỉnh về tổ chức, biên chế, công tác huấn luyện chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương được đẩy mạnh. Thông qua các cuộc diễn tập, báo động kiểm tra quân số, tiểu đoàn dự bị động viên các huyện đều bảo đảm thời gian và quân số. Trong quá trình huấn luyện, các đơn vị đã thực hiện nghiêm chỉnh mệnh lệnh của Quân khu gắn huấn luyện quân sự với giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện, nâng cao ý chí, bản lĩnh cho bộ đội; cải tiến nội dung và phương pháp huấn luyện, huấn luyện sát với yêu cầu nhiệm vụ, sát với đối tượng.

Phát huy truyền thống “*thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*” trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, công tác tuyển quân của tỉnh luôn luôn hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao cả thường xuyên và đột xuất. Công tác đăng ký, khám tuyển nghĩa vụ quân sự, xét duyệt tiêu chuẩn được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ; giao quân nhanh gọn, an toàn, đủ số lượng, bảo đảm chất lượng. Từ tháng 01-1989 đến tháng 10-1991 toàn tỉnh có trên 37.000 thanh niên lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc. Các huyện, thị thuộc khu vực Hà Nam là những đơn vị nhiều năm liền hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân của tỉnh, tỷ lệ đảo, bỏ ngũ rất thấp.

Trên mặt trận kinh tế, lực lượng vũ trang của tỉnh giữ vững vai trò xung kích trong công tác thủy lợi, phòng chống lụt bão, úng hạn; sản xuất được một khối lượng khá về lương thực, thực phẩm, hoàn thành một số chỉ tiêu như mở đường giao thông, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng... góp phần cải thiện đời sống cán bộ, chiến sĩ.

Thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VI) và Chỉ thị số 105/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, công tác hậu phương quân đội trên địa bàn tỉnh có nhiều cố gắng. Từ tháng 01-1989 đến tháng 9-1991 tỉnh tiếp nhận 62 thương binh nặng về điều trị, an dưỡng tại Đoàn 586. Giám định thương tật cho 37 trường hợp; tiếp nhận bàn giao 318 hồ sơ tử, liệt sĩ. Điều tra xác minh 192 trường hợp mất tích, trong đó đã báo tử 78 trường hợp. Hoàn thành xét duyệt 5 vạn bằng, huân, huy chương các loại. Phong trào xây dựng nhà tình nghĩa được các cấp uỷ, chính quyền địa phương quan tâm, toàn tỉnh xây dựng thêm 52 nhà, cấp 3.730 tấn gạo và 1,7 tỷ đồng để giúp đỡ các đối tượng chính sách trong thời gian giáp hạt. Năm 1990, Hà Nam Ninh được Bộ Tư lệnh quân khu 3 đánh giá, biểu dương là tỉnh đứng đầu về phong trào công tác quân sự địa phương.

Năm 1986, kẻ địch lợi dụng tình hình kinh tế - xã hội có nhiều khó khăn; lợi dụng việc tham gia góp ý vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI; lợi dụng tình hình hoạt động tôn giáo... tăng cường hoạt động phá hoại trên nhiều mặt. Chúng sử dụng nhiều phương thức, thủ đoạn rất thâm độc, xảo quyệt như: tuyên

truyền phản động, gây chiến tranh tâm lý, gây dư luận xấu và thực hiện nhiều hoạt động phá hoại kinh tế, gây rối trật tự xã hội. Dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, lực lượng công an làm nòng cốt, nên an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Bảo đảm tuyệt đối an toàn cho Đại hội Đảng các cấp. Đấu tranh làm thất bại nhiều âm mưu, hoạt động của bọn phản động lợi dụng đạo Thiên chúa, loại trừ khả năng bạo loạn ở các địa bàn xung yếu. Liên tục mở nhiều đợt tấn công truy quét bọn tội phạm.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, ngày 11-3-1987, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 05-NQ/TU *Về nhiệm vụ công tác an ninh năm 1987*. Ngày 11-4-1988, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 14-NQ/TU *Về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội năm 1988*. Thực hiện các Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, lực lượng bảo vệ an ninh trong tỉnh liên tục được củng cố và lớn mạnh, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hai năm (1987-1988), lực lượng công an tỉnh phát hiện và thu giữ nhiều tài liệu có nội dung xấu từ nước ngoài đưa về, phát hiện và xử lý kịp thời hàng chục vụ tuyên truyền phản động, hàng trăm vụ án về kinh tế; xử lý nghiêm khắc những cán bộ có sai phạm trong quản lý kinh tế, vi phạm pháp luật. Tuy vậy, các hành vi trộm cắp, cướp của, giết người, trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản công dân, tai nạn giao thông, tranh chấp đất đai và các tệ nạn xã hội có biểu hiện gia tăng, gây thiệt hại về người và tài sản cho Nhà

nước và công dân, có vụ nghiêm trọng, gây hoang mang trong dư luận.

Thực hiện Chỉ thị số 135/HĐBT, ngày 14-5-1989 của Hội đồng Bộ trưởng, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 22-CT/TU *Về tăng cường công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới*. Từ năm 1989 đến năm 1990, toàn tỉnh tổ chức nhiều đợt cao điểm phát động quần chúng tấn công, truy quét tội phạm trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là bọn lưu manh chuyên nghiệp, đầu gấu và nhiều hoạt động liên quan đến bảo vệ an ninh quốc gia. Chiến dịch tấn công, truy quét tội phạm gắn với bảo đảm trật tự an toàn giao thông, kiên quyết giải phóng, lấn chiếm mặt đường, vỉa hè ở thành phố, thị xã đạt hiệu quả thiết thực. Qua đó, tạo đường thông, hè thoáng bảo đảm an toàn giao thông ở các tuyến đường quốc lộ 21, 1A, thị xã Hà Nam và thị trấn Đồng Văn. Bắt và xử lý hàng trăm đối tượng vượt biên trái phép và hàng chục đối tượng truyền bá văn hoá phẩm đồi trụy. Riêng kiểm tra các đại lý văn hoá phẩm đã phát hiện, xử lý nhiều đối tượng, thu giữ hơn 1.000 băng hình, băng nhạc, hàng ngàn cuốn sách và tranh ảnh có nội dung xấu. Được sự giúp đỡ của quần chúng nhân dân, lực lượng công an đã điều tra, khám phá hơn 1.000 vụ án hình sự, bắt giữ nhiều tên tội phạm. Điều tra, khởi tố hàng trăm vụ tham ô, làm trái nguyên tắc, lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa, thu hồi hàng trăm triệu đồng và hàng chục tấn thóc cho Nhà nước. Trên lĩnh vực chống buôn lậu, kinh doanh trái phép, trốn lậu thuế đã phát hiện và xử lý gần 1.000 trường hợp, truy thu hàng tỷ đồng nộp ngân sách. Đồng thời, tham gia phối hợp với các cơ quan

thi hành án, chống bọn lợi dụng tôn giáo, gây rối trật tự công cộng được tăng cường hơn. Do đó, giải quyết cơ bản các vụ tòn đọng, xử lý nghiêm minh, kịp thời các đối tượng vi phạm pháp luật.

Tuy nhiên, việc tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật cho nhân dân chưa được tiến hành thường xuyên, công tác bảo vệ tài sản của Nhà nước, của nhân dân còn nhiều sơ hở. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển chưa đồng đều; ý thức quốc phòng toàn dân chưa sâu rộng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác chuyên môn của lực lượng quân sự, công an còn hạn chế; một số cán bộ, nhân viên cơ quan bảo vệ pháp luật có biểu hiện tiêu cực, mất uy tín trước dân; một số vụ án xét xử chưa kịp thời, việc thi hành án chưa nghiêm.

III. ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế, sự khủng hoảng về kinh tế - xã hội ở trong nước, một số tổ chức cơ sở đảng vừa thiếu dân chủ, vừa kém kỷ luật, tính tiên phong của đảng viên giảm sút, nhiều đảng viên bần khổ, lo lắng, một số ít bị quan, dao động. Trước tình hình đó, ngày 11-3-1986, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá V) ra Chỉ thị số 79-CT/TW *Về cuộc vận động tự phê bình và phê bình trong Đảng*. Thực hiện Chỉ thị số 79-CT/TW của Ban Bí thư, ngày 20-3-1986, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 40-CT/TU *Về việc quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đợt tự phê bình, phê bình và mở Đại hội Đảng bộ*

các cấp, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, tạo điều kiện để tiếp thu và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Đại hội Đảng các cấp.

Quán triệt và thực hiện Chỉ thị 40 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, đợt tự phê bình và phê bình được các cấp, các ngành từ Tỉnh uỷ đến các huyện, thị uỷ và đảng uỷ cơ sở chỉ đạo chặt chẽ theo đúng quy trình hướng dẫn của Trung ương. Sau khi nhận được Chỉ thị 79 của Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tổ chức quán triệt mục đích, yêu cầu và nội dung của chỉ thị tới toàn thể cán bộ, đảng viên. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tổ chức Hội nghị mở rộng đến bí thư các huyện, thị uỷ, đảng uỷ trực thuộc và thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh tham gia đóng góp vào Báo cáo kiểm điểm của Tỉnh uỷ và dành thời gian kiểm điểm từng đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Sau khi hoàn thành tự phê bình và phê bình, Tỉnh uỷ phân công từng đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ phụ trách từng khối và từng huyện; bố trí cán bộ các Ban xây dựng Đảng theo dõi các huyện và các ngành của tỉnh. Đây là cuộc vận động lớn, một đợt sinh hoạt chính trị cả trong Đảng và ngoài xã hội, có tác dụng cảnh tỉnh và ngăn chặn sự thoái hoá, biến chất của đảng viên. Qua đó đã đem lại hiệu quả rõ rệt, tạo nên sự chuyển biến tích cực. Tinh thần trách nhiệm và khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành được nâng lên một bước. Các ngành, địa phương trong tỉnh đẩy lên phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm

1986. Đặc biệt là qua đợt tự phê bình và phê bình theo tinh thần Chỉ thị 79 đã tạo điều kiện cho Đảng bộ các cấp lựa chọn được những đảng viên có đủ phẩm chất và năng lực tham gia cấp uỷ mới.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV nêu rõ: Phải gắn chặt công tác tư tưởng với công tác tổ chức và việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Đặc biệt tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán và xây dựng cơ sở, coi đây là khâu then chốt.

Tinh uỷ chỉ đạo nhiệm vụ trọng tâm của công tác chính trị tư tưởng là phục vụ đắc lực cho công cuộc đổi mới của Đảng; tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tiếp cận với quan điểm đổi mới của Đảng, tạo sự nhất trí trong Đảng. Trước hết, chú trọng phục vụ việc thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tập trung cho chương trình kinh tế - xã hội, phát huy tinh thần sáng tạo của nhân dân lao động, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển.

Năm 1989, tình hình chính trị ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu có nhiều diễn biến phức tạp đã tác động tiêu cực đến một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, trong đó có một số dao động về lập trường tư tưởng. Để giữ vững ổn định chính trị, tháng 8-1989, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) ra Nghị quyết *Về một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay*. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, ngày 13-10-1989

Tỉnh uỷ mở Hội nghị kiểm điểm công tác tư tưởng và triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương 7. Tỉnh uỷ yêu cầu: các cấp uỷ Đảng tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao chất lượng các hoạt động tuyên truyền, cổ vũ các nhân tố mới, phổ biến những kinh nghiệm tốt, đồng thời tích cực đấu tranh chống những quan điểm và nhận thức sai trái, lệch lạc, bảo vệ đường lối và các quan điểm đúng đắn của Đảng. Qua các đợt sinh hoạt chính trị giúp cho đảng viên và quần chúng hiểu thêm tình hình đất nước và quốc tế, nâng cao trách nhiệm của người đảng viên cộng sản, trách nhiệm công dân, phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước và cách mạng, góp phần ổn định tư tưởng, ổn định chính trị ở địa phương.

Bước sang năm 1990, nhiều nước xã hội chủ nghĩa lâm vào tình trạng khủng hoảng toàn diện và nghiêm trọng. Ở trong nước, quá trình đổi mới phát sinh những mâu thuẫn mới. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) họp tháng 3-1990, yêu cầu tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ cấp bách: tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên, nhân dân và lực lượng vũ trang hiểu rõ tình hình, thấu suốt những nhận định và chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị và tính tiên phong của Đảng, giữ vững sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, trước hết là trong các cấp uỷ, giữ vững mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa...

Cụ thể hoá Nghị quyết Trung ương 8, ngày 30-8-1990, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 27-NQ/TU *Về đổi mới và tăng cường lãnh đạo, quản lý công tác tư tưởng, báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ*. Quán triệt nghiêm túc các Nghị quyết của Trung ương Đảng, công tác chính trị, tư tưởng được đổi mới và nâng cao. Các cấp uỷ Đảng tổ chức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới; cổ vũ các nhân tố mới, phổ biến những kinh nghiệm tốt đồng thời tích cực đấu tranh chống những quan điểm và nhận thức sai trái, lệch lạc, bảo vệ đường lối, quan điểm đúng đắn của Đảng. Qua đó, tạo niềm tin và sự nhất trí của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với đường lối và quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao trách nhiệm của người đảng viên cộng sản, trách nhiệm công dân, phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước và cách mạng, góp phần ổn định tư tưởng, ổn định tình hình chính trị ở địa phương.

Tuy vậy, công tác tư tưởng chưa kịp thời, thiếu nhạy bén, phương thức hoạt động chưa tương xứng với trình độ dân trí, nên chưa có sức cuốn hút quần chúng. Tư tưởng cục bộ, bản vị, ý lại, tránh né còn khá nặng nề. Nhiều cấp uỷ cơ sở chưa nắm chắc diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn. Chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước chưa được phổ biến đầy đủ đến đảng viên và quần chúng. Một số đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, không gương mẫu trước quần chúng.

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 12-9-1987 của Bộ Chính trị, ngày 10-11-1987, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 12-NQ/TU *Về kế hoạch hướng dẫn thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội*. Ban Thường vụ yêu cầu: tổ chức tốt việc quán triệt Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài nhân dân; tiến hành rà soát những vụ vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước; vi phạm tư cách đảng viên và xử lý nghiêm minh, chính xác có trọng điểm các vụ vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước; tiến hành đánh giá đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp; kiểm tra chất lượng đội ngũ đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng; chấn chỉnh và nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng; xây dựng và thực hiện nề nếp chế độ tự phê bình và phê bình gắn với kiểm điểm tổng kết công tác hằng năm.

Triển khai thực hiện Nghị quyết 12-NQ/TU, ngày 10-11-1987 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các cấp uỷ Đảng tổ chức cho cán bộ, đảng viên nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị. Qua học tập, cán bộ, đảng viên đã nắm được tính chất, yêu cầu, nội dung, phương châm cuộc vận động. Đồng thời gắn cuộc vận động với việc tiếp tục chỉ đạo thực hiện 4 chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh. Qua việc đấu tranh tự phê bình và phê bình, các cấp uỷ Đảng tiến hành phân tích chất lượng đảng viên và xử lý

những đảng viên vi phạm. Việc xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm có tác dụng giáo dục và hạn chế những tiêu cực, từng bước làm trong sạch đội ngũ đảng viên, giúp cho tổ chức cơ sở đảng quản lý đảng viên chặt chẽ hơn.

Quán triệt Chỉ thị số 59-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 04-9-1990, Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 28-NQ/TU *Về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng, làm trong sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên từ nay đến Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng*. Qua triển khai thực hiện Nghị quyết 28 của Tỉnh uỷ, chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên được nâng lên một bước. Năm 1990, có 1.880/1.886 tổ chức cơ sở Đảng trong Đảng bộ tỉnh dự phân loại, trong đó: vững mạnh đạt 46,8%, cơ sở khá 43,4%, số cơ sở đảng yếu kém giảm còn 9,78%. Đảng bộ có 144.185 đảng viên, trong đó có 123.958 đảng viên đủ tư cách, chiếm 85,9%, 33.116 đảng viên xuất sắc, đạt 22,96%; 17.254 đảng viên chưa đủ tư cách, chiếm 11,96%; 2.973 đảng viên không đủ tư cách, chiếm 2,06%, trong đó khai trừ 546 đảng viên, xoá tên 1.365 đảng viên và cho rút khỏi danh sách đảng viên 2.330 trường hợp.

Thi hành Nghị quyết số 34-NQ/TW của Bộ Chính trị, Thông báo số 46-TB/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VI), ngày 22-01-1988 Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đề ra chủ trương sắp xếp lại bộ máy, tổ chức cán bộ trong cơ quan đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể theo hướng tinh giảm biên chế, rút gọn đầu mối theo

yêu cầu đổi mới tổ chức của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Sau 3 năm (1988-1990), cơ quan Đảng của Tỉnh uỷ còn 9 cơ quan tham mưu; huyện, thị uỷ còn 4 cơ quan tham mưu. Các đoàn thể tỉnh và huyện, thị còn 5 cơ quan. Cơ quan quản lý Nhà nước cấp tỉnh còn 34 đầu mối; huyện còn 17 và thị xã còn 15 đầu mối. Qua sắp xếp lại bộ máy: cán bộ các cơ quan Đảng giảm 17,6%, cơ quan chính quyền giảm 32,5%; số phòng, ban thuộc sở, ngành của tỉnh giảm 43%; số cán bộ lãnh đạo sở, ngành giảm 40%; số trưởng, phó sở, ngành giảm 40%; số phòng, ban chính quyền huyện, thị giảm 35,9%; các ban của huyện uỷ, đoàn thể quần chúng giảm 10%. Qua sắp xếp bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức được xác định rõ hơn, bớt cấp trung gian, thực hiện làm việc theo chế độ chuyên viên.

Cùng với sắp xếp tổ chức và tinh giảm biên chế, Tỉnh uỷ tập trung nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, tiến hành đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí cán bộ và xử lý cán bộ yếu kém đúng quy trình, bảo đảm dân chủ, mang tính kế thừa, phát triển.

Năm 1988, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh điều chuyển công tác và phân công lại 19 đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành; 16 đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành trực tiếp làm Bí thư huyện, thị uỷ, trong đó có 2 đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Đồng chí Bùi Xuân Sơn được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ thay đồng chí Nguyễn Văn An chuyển công tác khác. Đồng thời Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo kiện

toàn cán bộ chủ chốt của huyện, thị xã và một số ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

Qua Đại hội Đảng bộ hai cấp huyện và cơ sở nhiệm kỳ (1989-1990), các cấp uỷ Đảng được kiện toàn một bước⁽¹⁾. Tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ có trình độ tham gia cấp uỷ tăng lên. Cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành từng bước được đổi mới. Quá trình đề bạt, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, lắng nghe ý kiến của đảng viên, quần chúng, tôn trọng quyền chủ động của cơ quan dân cử và các đoàn thể, hạn chế tình trạng áp đặt, hoặc dân chủ hình thức. Qua đó, đa số cán bộ phát huy được năng lực, được quần chúng tín nhiệm. Các cấp uỷ Đảng đã chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, lựa chọn giới thiệu hàng trăm cán bộ đương chức và cán bộ trong quy hoạch được đi học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

Các cấp uỷ Đảng xác định công tác phát triển đảng viên mới là một trong những nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên nhằm trẻ hoá đội ngũ và tăng cường sức chiến đấu của Đảng. Từ năm 1988 đến tháng 9-1991, trong toàn Đảng bộ đã kết nạp được 10.144 đảng viên mới. Trong đó, đảng viên nữ 3.043 đồng chí, chiếm 29,99%; công nhân 1.817 đồng chí, chiếm 17,91%; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 6.510 đồng chí, chiếm 64,17%; công giáo 250

(1) Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI thông qua quy định: nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ và cơ sở 5 năm 2 lần.

đồng chí, chiếm 2,46%. Trình độ văn hoá tốt nghiệp phổ thông trung học chiếm 76,64%; trình độ đại học, cao đẳng chiếm 20,13%. Tuy nhiên, khi chuyển đổi cơ chế, nhiều tổ chức đảng cơ sở lúng túng về nội dung, phương thức hoạt động. Vai trò lãnh đạo, tính chiến đấu, tính giáo dục, nêu gương bị hạn chế. Một bộ phận đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, tệ quan liêu, tham nhũng gia tăng, làm giảm lòng tin của quần chúng. Một số cán bộ, đảng viên năng lực, trình độ hạn chế. Các cấp uỷ chưa quan tâm đúng mức đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nên có nơi “đổi” nhưng chưa “mới”.

Công tác kiểm tra của Đảng được Tỉnh uỷ chỉ đạo thường xuyên, nghiêm túc; tổ chức đảng và đảng viên vi phạm được xử lý công minh, chính xác, kịp thời. Ngày 21-7-1987, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 08-CT/TU Về tăng cường lãnh đạo công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng. Trong 5 năm (1986-1990), qua kiểm tra Đảng bộ tiến hành xử lý kỷ luật 5.944 đảng viên, chiếm 4,2% tổng số đảng viên. Trong đó khiển trách 2.964 đảng viên, chiếm 49%; cảnh cáo 1.131 đảng viên, chiếm 19,02%; cách chức 191 đảng viên, chiếm 3,2%; khai trừ 278 đảng viên, chiếm 4,67%; xoá tên 846 đảng viên, chiếm 14,23%; cho rút 534 đảng viên, chiếm 8,98%.

Qua kiểm tra đã góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức Đảng. Việc xử lý kỷ luật có tác dụng giáo dục và hạn chế những tiêu cực, từng bước làm trong sạch đội ngũ đảng viên, giúp cho tổ chức cơ sở quản lý đảng viên chặt chẽ hơn.

Công tác vận động quần chúng được tăng cường. Tỉnh uỷ chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng bám sát nhiệm vụ chính trị của tỉnh; thi hành các chủ trương đổi mới công tác vận động quần chúng của Đại hội VI và Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI), kiện toàn bộ máy, từng bước đổi mới phương thức hoạt động, đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động sản xuất.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, phương thức lãnh đạo hệ thống chính trị của Đảng bộ có bước đổi mới. Các cấp uỷ nhận thức rõ hơn vai trò lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý của chính quyền Nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân; tôn trọng và phát huy tính chủ động, sáng tạo của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, hạn chế tình trạng bao biện, làm thay.

Công tác xây dựng chính quyền được Đảng bộ chú trọng. Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 20-01-1987 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, ngày 22-01-1987, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 01-CT/TU Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VIII và Hội đồng nhân dân hai cấp huyện, xã và tương đương. Quán triệt Chỉ thị 01 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, ngày 19-4-1987, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VIII và Hội đồng nhân dân hai cấp huyện, xã và tương đương diễn ra dân chủ, an toàn và đúng luật; lựa chọn được những đại biểu đủ tiêu chuẩn bầu vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Quán triệt Chỉ thị số 53-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và quyết định của Hội đồng Nhà nước, ngày 28-8-1989, Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 23-CT/TU *Về lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân 3 cấp nhiệm kỳ (1989-1994)*. Chỉ thị nêu rõ: Lãnh đạo cuộc bầu cử lần này phải quán triệt tinh thần đổi mới của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và thực hiện đúng luật. Phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân trong học tập, lựa chọn, giới thiệu đại biểu. Kiện toàn Thường trực Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân, các cấp uỷ Đảng phải thực hiện đúng quy định của Trung ương. Sau quá trình hiệp thương theo luật định, ngày 19-11-1989, với 99,20% cử tri trong tỉnh đi bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp. Cuộc bầu cử đảm bảo dân chủ, đổi mới, đúng luật, đã bầu được 99/100 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; 878/884 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, thành phố và thị xã, 14.348/14.609 đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn.

Sau bầu cử, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân các cấp từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn nhanh chóng được kiện toàn và đi vào hoạt động theo Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân. Tại kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ (1989-1994) đã bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Quán triệt Chỉ thị số 10-CT/TU, ngày 10-12-1987 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ *Về thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp*, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp được kiện toàn, chất lượng

đội ngũ cán bộ lãnh đạo từng bước được nâng lên. Hoạt động của Hội đồng nhân dân có bước đổi mới, các kỳ họp đã bàn và quyết định những vấn đề thiết thực, trọng yếu, thực sự là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Đại biểu Hội đồng nhân dân liên hệ mật thiết với cử tri, tập hợp được nguyện vọng, kiến nghị của cử tri; thông báo kịp thời tới cử tri các hoạt động và nghị quyết của Hội đồng nhân dân để nhân dân giám sát.

Ủy ban nhân dân các cấp từng bước đổi mới việc quản lý và điều hành, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ và những quy định của pháp luật. Vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; cụ thể hoá nghị quyết của cấp uỷ Đảng để điều hành phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước. Trong 5 năm (1986-1990), uỷ ban nhân dân các cấp, nhất là uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn có nhiều cố gắng vươn lên. Hầu hết, đội ngũ chủ tịch, phó chủ tịch xã, phường, thị trấn được bồi dưỡng kiến thức về quản lý nhà nước, lại có đội ngũ trưởng thôn giúp chính quyền cơ sở đi sâu, đi sát vào cuộc sống của nhân dân, nắm bắt kịp thời những vấn đề nảy sinh ở thôn xóm, đề ra chủ trương, biện pháp giải quyết phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng các trung tâm kinh tế, chính trị, xã hội của các huyện, trong hai năm 1986 và 1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành các Quyết định số 26, 34/HĐBT về việc thành lập một số thị trấn thuộc các huyện trong tỉnh, trong

đó có thị trấn Hoà Mạc của huyện Duy Tiên; thị trấn Quế của huyện Kim Bảng; thị trấn Bình Mỹ của huyện Bình Lục và thị trấn Vĩnh Trụ của huyện Lý Nhân⁽¹⁾.

Trong 5 năm (1986-1990), thực hiện đường lối đổi mới, công tác quần chúng được Đảng bộ quan tâm đúng mức. Tỉnh uỷ chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân khắc phục khó khăn, động viên nhân dân trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường đoàn kết toàn dân. Đặc biệt, thực hiện Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI), ngày 21-6-1990, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 26-NQ/TU Về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân, công tác vận động nhân dân của Đảng bộ được đẩy mạnh một bước.

(1). Quyết định số 34/HĐBT, ngày 21-3-1986 của Hội đồng Bộ trưởng: Thành lập thị trấn Hoà Mạc (thị trấn huyện lỵ huyện Duy Tiên) trên cơ sở 46,68 héc ta diện tích tự nhiên của xã Yên Bắc và 122,31 héc ta diện tích tự nhiên của xã Trác Văn. Thị trấn Hoà Mạc có tổng diện tích tự nhiên là 168,99 héc ta với 3.917 nhân khẩu. Thành lập thị trấn Quế (thị trấn huyện lỵ, huyện Kim Bảng) trên cơ sở 15 héc ta diện tích tự nhiên của xã Kim Bình, 111,13 héc ta diện tích tự nhiên của xã Văn Xá và 62,05 héc ta diện tích tự nhiên của xã Ngọc Sơn. Thị trấn Quế có tổng diện tích tự nhiên là 188,18 héc ta với 5.667 nhân khẩu. Quyết định số 26/HĐBT, của Hội đồng Bộ trưởng ngày 13-2-1987: Thành lập thị trấn Bình Mỹ (thị trấn huyện lỵ huyện Bình Lục) trên cơ sở 1,44 héc ta đất với 51 nhân khẩu của xã An Đổ; 164,48 héc ta đất với 947 nhân khẩu của xã An Mỹ; 90 héc ta đất với 573 nhân khẩu của xã Mỹ Thọ và 3,91 héc ta đất của xã Trung Lương. Thị trấn Bình Mỹ có 256,83 héc ta đất với 1.571 nhân khẩu. Thành lập thị trấn Vĩnh Trụ (thị trấn huyện lỵ huyện Lý Nhân) trên cơ sở 175,84 héc ta đất với 3.518 nhân khẩu của xã Đông Lý và 3,15 héc ta đất của xã Đức Lý. Thị trấn Vĩnh Trụ có 178,99 héc ta với 6.047 nhân khẩu.

Đại hội Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ IV (tháng 9-1989), đã kiểm điểm kết quả thực hiện “3 phong trào” và “5 cuộc vận động”⁽¹⁾ do Đại hội Mặt trận Tổ quốc tỉnh lần thứ III đề ra. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ (1989-1994) là: Đoàn kết, động viên các tầng lớp nhân dân thi đua đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, tiếp tục thực hiện ba chương trình kinh tế lớn của Đảng; tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; vận động nhân dân thực hiện tốt chính sách xã hội và văn hoá; tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức mặt trận...

Thực hiện Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Bầu cử Hội đồng nhân dân, dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, mặt trận đã phối hợp với các tổ chức thành viên tuyên

(1). “3 phong trào” là:

Phong trào toàn dân thi đua lao động sản xuất, công tác, thực hành tiết kiệm.

Phong trào toàn dân thi đua bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Phong trào xây dựng nếp sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

“5 cuộc vận động”:

Đoàn kết tương trợ đẩy mạnh sản xuất.

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

Kính trọng, giúp đỡ người già, bảo vệ chăm sóc thế hệ trẻ, tôn trọng phụ nữ, thực hiện sinh đẻ kế hoạch.

Phát triển kinh tế gia đình (V.A.C) đẩy mạnh phong trào trồng cây, cải tạo môi trường.

Xây dựng và bảo vệ các công trình phúc lợi với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

truyền vận động cử tri đi bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VIII, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, huyện, xã, phường, thị trấn nhiệm kỳ (1987-1989) và bầu đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp nhiệm kỳ (1989-1994) đảm bảo dân chủ, an toàn, đúng luật và đạt kết quả cao, góp phần xây dựng chính quyền Nhà nước ở địa phương thực sự là của dân, do dân và vì dân.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã tích cực vận động các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, thi đua phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đề ra, mà trọng tâm là ba chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, sự chỉ đạo của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, các tổ chức Công đoàn trong tỉnh bám sát cơ sở, tăng cường giáo dục, nâng cao ý thức giai cấp công nhân và kỷ luật lao động cho cán bộ, công nhân, viên chức; tích cực tham gia đổi mới cơ chế quản lý, phát huy quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh, năng động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh thi đua lao động sản xuất, đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao. Công đoàn các cấp phát động công nhân viên chức tham gia quản lý xí nghiệp, quản lý kinh tế, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, theo tinh thần “Những việc cần làm ngay” của N.V.L - bút danh của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Tổ chức công đoàn thể hiện vai trò nòng cốt trong tập hợp và phát huy sức mạnh của lực lượng công nhân, viên chức và lao động thực hiện chương trình

sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Thực hiện có hiệu quả chính sách của Nhà nước đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, góp phần đẩy mạnh liên doanh, liên kết sản xuất, kinh doanh. Công đoàn cùng với chính quyền các cấp chăm lo tổ chức tốt đời sống vật chất và tinh thần cho các đoàn viên và người lao động. Đổi mới phương thức hoạt động, tập trung củng cố công đoàn cơ sở. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn các cấp, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới.

Quán triệt Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 04-7-1985 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khoá V), ngày 15-3-1986, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 39-CT/TU *Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên*. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ yêu cầu: các cấp uỷ Đảng phải thường xuyên nắm vững tình hình các mặt công tác Đoàn và phong trào thanh niên, có biện pháp chỉ đạo cụ thể nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở, làm cho tổ chức đoàn cơ sở ngày càng vững mạnh, thực sự là hạt nhân đoàn kết, tập hợp, giáo dục và tổ chức thanh niên xung kích thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng. Thực hiện Chỉ thị 39 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi có chuyển biến tích cực, từng bước thích ứng với cơ chế mới. Ngày 20-6-1987, Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh lần thứ IV khai mạc. Đại hội tiến hành kiểm điểm, tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi nhiệm kỳ (1983-1987), đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ (1987-1990): xung

kích, sáng tạo, đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tăng cường bồi dưỡng giáo dục thế hệ trẻ, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; tích cực tham gia xây dựng Đảng; tăng cường củng cố xây dựng tổ chức đoàn vững mạnh và đoàn kết tập hợp thanh niên; làm tốt công tác chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng, xây dựng Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh vững mạnh...

Với chức năng là trường học cộng sản, Đoàn thanh niên phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng cho thanh niên. Các tổ chức Đoàn, Hội, Đội tạo ra phong trào hành động cách mạng sôi nổi và rộng khắp trong toàn tỉnh. Tiêu biểu là phong trào “Thanh niên nông thôn sản xuất kinh doanh giỏi”, năm 1990 đã có 940 công trình thanh niên, như công trình đắp 1 triệu m³ đất đê, trồng 2 triệu cây mùa xuân, cứu 2.700 ha lúa bị úng ngập, tiêu biểu là Đoàn thanh niên huyện Lý Nhân... Trong thanh niên công nhân có phong trào “Tổ sản xuất thanh niên”, hội thi “Tay nghề” chất lượng sản phẩm, “xây dựng nếp sống văn hoá mới” trong công nhân đạt kết quả tốt. Đoàn thanh niên thị xã Hà Nam phối hợp với trường Công nhân bưu điện mở lớp dạy nghề điện cho thanh niên. Phong trào “Tự quản”, “Thi đua dạy tốt, học tốt” tiếp tục được duy trì. Đặc biệt, có 4 Bí thư đoàn trường là học sinh. Trên mặt trận an ninh, quốc phòng hàng năm đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân; thực hiện có hiệu quả “chiến dịch 135”. Tập trung xây dựng tổ chức cơ sở đoàn, nhất là củng cố phong trào thanh thiếu niên vùng công giáo. Năm 1990, toàn tỉnh

kết nạp 4.439 thanh niên vào Đoàn, giới thiệu 1.850 đoàn viên ưu tú dự lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng. Trong 5 năm (1986-1990) toàn tỉnh có 6.510 đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng, chiếm 64,17% tổng số đảng viên mới kết nạp. Nhiều cán bộ đoàn được rèn luyện qua thực tiễn, trở thành cán bộ lãnh đạo ở địa phương, đơn vị.

Hội Liên hiệp phụ nữ có nhiều đổi mới về hình thức và phương thức hoạt động. Ngày 13-4-1987, tại thành phố Nam Định, Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh lần thứ IV khai mạc. Đại hội khẳng định: Phụ nữ nông thôn chiếm 70% tổng số lao động, là lực lượng chính trực tiếp sản xuất lương thực, thực phẩm. Thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, phụ nữ cùng các tầng lớp nhân dân đưa năng suất lúa vượt qua “cửa ải 5 tấn”. Trong nữ công nhân, viên chức có phong trào rèn luyện, phấn đấu “giỏi việc nước, đảm việc nhà”... góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ từ năm 1987 đến 1990: Tăng cường công tác giáo dục, xây dựng người phụ nữ mới xã hội chủ nghĩa. Rèn luyện ý thức phấn đấu, thực hiện nam - nữ bình đẳng, nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt. Tổ chức chăm lo bảo vệ quyền lợi phụ nữ và trẻ em, xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc, tiến bộ. Phát huy mọi khả năng, thực hiện 4 chương trình kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đề ra. Xây dựng đội ngũ cán bộ hội nhiệt tình, có phẩm chất và năng lực ngang tầm với nhiệm vụ mới của hội.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, sự chỉ đạo của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, các cấp hội

phụ nữ trong tỉnh đoàn kết, động viên chị em phụ nữ nỗ lực vươn lên cùng Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra. Với hai cuộc vận động: “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình” và “Nuôi dạy con theo khoa học, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học” với nhiều hình thức như giúp vốn, mở lớp dạy nghề, tập huấn khoa học, kỹ thuật để chị em chăn nuôi, sản xuất; tổ chức hội thi bé khỏe, bé ngoan; vận động thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình... Qua đó xuất hiện nhiều tấm gương điển hình phụ nữ làm kinh tế giỏi, nuôi dạy con ngoan, từ nông thôn đến thành thị. Công tác vận động phụ nữ tham gia tổ chức Hội từng bước đổi mới. Toàn tỉnh có trên 80% chị em phụ nữ trong độ tuổi vào sinh hoạt hội. Các chi, tổ hội ở vùng sâu, vùng xa được tăng cường, củng cố. Trong công tác cán bộ của Đảng, phụ nữ tham gia cấp uỷ, Hội đồng nhân dân ngày một tăng. Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ (1989-1994), tỷ lệ đại biểu nữ chiếm 14,14%; hội đồng nhân dân huyện, đại biểu nữ chiếm 28,6%; hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn, đại biểu nữ chiếm 18,4%.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Hội Nông dân tích cực vận động nông dân tham gia sinh hoạt hội và thực hiện cơ chế khoán mới. Hội Nông dân phối hợp với Hội Làm vườn phát động phong trào thi đua *Làm giàu yêu nước* và phong trào *Phát triển kinh tế gia đình theo mô hình V.A.C*. Hội viên nông dân nâng cao ý thức tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng, thực hiện tốt chính sách, pháp luật về đất đai

nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế; vận động nông dân “tình làng, nghĩa xóm”, tương trợ nhau phấn đấu ổn định đời sống, từng bước xây dựng nông thôn mới. Phát triển mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, mở rộng ngành nghề, đẩy mạnh phát triển kinh tế. Đến tháng 9-1990, toàn tỉnh có 81% số hộ nông dân vượt khoán từ 70kg/sào/năm; 20% số hộ nhận ruộng vượt khoán từ 1 tấn thóc trở lên. Năm 1988 và 1989, Hà Nam Ninh là tỉnh duy nhất ở miền Bắc vượt sản lượng trên 1 triệu tấn lương thực. Phong trào cải tạo vườn tạp phát triển, điển hình là xã Văn Lý, huyện Lý Nhân. Đến năm 1990, nhiều hộ nông dân thoát nghèo, xuất hiện hàng trăm gia đình nông dân làm ăn giỏi. Phong trào xây dựng cơ sở hội được tăng cường; các xã, thị trấn đều có tổ chức Hội và thu hút hầu hết nông dân vào tổ chức Hội.

Để đáp ứng nguyện vọng của đội ngũ cựu chiến binh, Hội nghị Bộ Chính trị ngày 06-12-1989 đồng ý với tờ trình của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Tháng 02-1990, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Quyết định số 100-QĐ/TW, thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Được sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh Hà Nam Ninh được thành lập theo Quyết định số 725-QĐ/TU, ngày 07/4/1990 của Tỉnh uỷ Về việc thành lập Hội Cựu chiến binh tỉnh. Tiếp đó Hội Cựu chiến binh các huyện, thành, thị xã và xã, phường, thị trấn cũng được thành lập. Mặc dù mới thành lập nhưng hội đã gây được uy tín và tình cảm của nhân dân.

Những năm đầu của thời kỳ đổi mới (1986-1990) trong hoàn cảnh đất nước và địa phương vẫn còn gặp nhiều khó khăn về thiên tai, thiếu thốn vật tư, tiền vốn, nhưng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh đã phát huy truyền thống đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, phấn đấu tìm tòi tháo gỡ khó khăn và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào tình hình cụ thể của địa phương, giành được nhiều thành tựu quan trọng. Sản lượng lương thực, thực phẩm và tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng, kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bước đầu được hình thành; kinh tế quốc doanh từng bước chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; kinh tế hộ phát triển, từng bước ổn định đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo ra những nhân tố tích cực để nhanh chóng ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với nhiệm vụ xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh. Quốc phòng, an ninh được tăng cường. Hoạt động của hệ thống chính trị có bước đổi mới, dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy, vai trò lãnh đạo của Đảng không ngừng được củng cố, đội ngũ cán bộ của tỉnh ngày một trưởng thành cả về nhận thức, trình độ, phương pháp quản lý, lãnh đạo.

Những thành tựu đó là cơ sở, tiền đề quan trọng để Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo đưa sự nghiệp đổi mới của tỉnh vững bước vào chặng đường tiếp theo.

CHƯƠNG XIII

LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1991-1996)

I. TẬP TRUNG XÂY DỰNG, CƯỜNG CỐ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ SAU KHI TÁI LẬP TỈNH NAM HÀ, TIẾP TỤC THỰC HIỆN SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG

Đại hội Đảng toàn quốc lần VII (6-1991) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*; đề ra phương hướng, nhiệm vụ của công cuộc đổi mới toàn diện cho chặng đường tiếp theo.

Để phù hợp và đáp ứng với tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, tại kỳ họp thứ 10, phiên họp ngày 26-12-1991, Quốc hội khóa VIII thông qua Nghị quyết về *điều chỉnh phân định lại địa giới một số tỉnh*, chia tách tỉnh Hà Nam Ninh thành hai tỉnh là Nam Hà và Ninh Bình.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) và Nghị quyết của Quốc hội, ngày 07-01-1992, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh ra Quyết định số 1103-QĐ/TU về việc thành lập Ban chỉ đạo

chia tách tỉnh; Quyết định số 1104-QĐ/TU về thành lập Tiểu ban tổ chức và cán bộ; Quyết định số 1105-QĐ/TU, thành lập Tiểu ban phân chia tài sản trong phân vạch địa giới hành chính tỉnh và quyết định thành lập một số tiểu ban khác... Ngày 13-01-1992, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh ra Nghị quyết số 32-NQ/TU *Về việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện việc chia tách tỉnh Hà Nam Ninh, thành lập lại hai tỉnh Nam Hà và Ninh Bình*. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khẳng định: Đây là chủ trương lớn của Đảng, của Nhà nước, yêu cầu cán bộ, đảng viên, quân và dân trong tỉnh cần đoàn kết nhất trí cao và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết của Quốc hội. Cùng với việc thực hiện chia tách tỉnh, các cấp uỷ Đảng, chính quyền đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo mọi hoạt động kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, đề cao tính tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, tự giác chống mọi biểu hiện cơ hội, cục bộ, lợi dụng làm những việc sai trái, khẩn trương hoàn thành việc chia tách tỉnh trong quý I năm 1992.

Tỉnh Nam Hà được tái lập trên cơ sở giữ nguyên vị trí địa lý, địa giới hành chính của tỉnh Nam Hà tại thời điểm tháng 2 năm 1976, hợp nhất thành tỉnh Hà Nam Ninh. Nam Hà có diện tích tự nhiên 2.486 km², gồm 13 đơn vị hành chính, trong đó khu vực Hà Nam có 6 đơn vị hành chính gồm thị xã Hà Nam và 5 huyện là Duy Tiên, Bình Lục, Kim Bảng, Thanh Liêm, Lý Nhân. Tỉnh lỵ tỉnh Nam Hà đặt tại thành phố Nam Định.

Sau khi tái lập, tỉnh Nam Hà có những thuận lợi căn bản. Việc tái lập tỉnh đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ

và nhân dân trong tỉnh, tạo không khí hồ hởi, phấn khởi để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương. Quy mô, dân số và diện tích vừa phải, tạo điều kiện cho công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh được sâu sát, hiệu quả hơn. Nhân dân có truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất và bước đầu có kinh nghiệm trong việc đổi mới cơ chế quản lý. Nguồn lao động dồi dào, có trình độ văn hoá.

Nam Hà ở phía Nam đồng bằng Bắc Bộ, có địa hình đa dạng, phân thành ba vùng tương đối rõ rệt: đồi núi bán sơn địa, đồng chiêm trũng và đồng bằng ven biển; có tiềm năng kinh tế, du lịch, dịch vụ, kinh tế biển và khai thác vật liệu xây dựng. Tỉnh có hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt và đường thuỷ rất đa dạng, tạo điều kiện vận chuyển hàng hoá, giao lưu kinh tế giữa các vùng trong tỉnh và các miền trong cả nước. Đó là những tiềm năng lớn để Nam Hà thúc đẩy kinh tế hàng hoá phát triển toàn diện, bao gồm công nghiệp, nông nghiệp, du lịch và dịch vụ, đồng thời mở rộng giao lưu văn hoá, xã hội.

Những thành tựu của đất nước và của địa phương sau những năm đầu đổi mới là động lực để nhân dân trong tỉnh thêm vững niềm tin bước tiếp trên con đường đổi mới.

Bên cạnh những thuận lợi sau khi tái lập, tỉnh Nam Hà cũng phải đối mặt với những khó khăn, thách thức. Sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới, Nam Hà vẫn là tỉnh khó khăn, kinh tế hàng hoá chậm phát triển. Sản xuất nông nghiệp vẫn là chủ yếu. Dân số sống ở nông thôn chiếm

đại đa số dân cư trong tỉnh. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, các doanh nghiệp Nhà nước hầu hết đang gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh. Dịch vụ, du lịch kém, chậm được khai thác. Kinh tế hợp tác xã chậm được đổi mới, kinh tế ngoài quốc doanh manh mún, nhỏ bé. Nguồn tài nguyên khoáng sản chưa được khai thác hiệu quả. Cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống xã hội trong tình trạng thấp kém, lạc hậu; nhiều công trình giao thông, thuỷ lợi, xây dựng bị xuống cấp. Hệ thống trường học, bệnh viện, trạm xá còn thiếu và xuống cấp. Tổ chức bộ máy và cán bộ trong hệ thống chính trị từ các cơ quan Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh đến các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh còn thiếu và chưa đồng bộ.

Trong khi đó, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu lâm vào khủng hoảng toàn diện. Chủ nghĩa xã hội thế giới đang ở giai đoạn thoái trào. Mô hình chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu bị sụp đổ. Tình hình đó tác động mạnh đến quá trình thực hiện đường lối đổi mới ở nước ta. Tận dụng cơ hội đó, đế quốc Mỹ đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hoà bình” câu kết với các thế lực phản động trong nước và quốc tế tăng cường chống phá cách mạng Việt Nam, bao vây, cấm vận kinh tế, tuyên truyền, kích động tư tưởng đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, truyền bá, lưu hành văn hoá phẩm phản động, đồi trụy, độc hại vào nước ta.

Để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trên địa bàn không bị gián đoạn trong thời điểm chia tách, ngày 10-3-1992,

Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) ra Quyết định số 225-NS/TW chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời tỉnh Nam Hà gồm 41 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 10 đồng chí, đồng chí Bùi Xuân Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Để ổn định và sớm đi vào hoạt động, ngày 23-3-1992, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh phân công các Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách từng lĩnh vực công tác của Đảng bộ, đề ra chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị.

Trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng tình hình của địa phương, Tỉnh uỷ yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương làm tốt công tác tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân, giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết, tương trợ, kiên quyết chống mọi biểu hiện lệch lạc, cục bộ địa phương. Bảo đảm mọi hoạt động bình thường sau chia tách tỉnh, nhất là các mặt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Về tổ chức bộ máy, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, cần quán triệt tinh thần đổi mới và chỉnh đốn Đảng, cải cách hành chính, xây dựng bộ máy Đảng, chính quyền và các đoàn thể gọn nhẹ có hiệu quả và hiệu lực cao. Về cán bộ, căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, phẩm chất, năng lực để bố trí cán bộ vào bộ máy tổ chức mới của tỉnh, tránh làm giản đơn, máy móc. Cán bộ, đảng viên trước hết là cán bộ lãnh đạo, phải tuyệt đối phục tùng sự phân công và điều động của Đảng.

Việc bố trí lại cán bộ phải bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ trước mắt và chuẩn bị cho lâu dài. Kiên quyết không bố trí cán bộ gương ép do tác động của tư tưởng cục bộ địa phương hoặc đề bạt ô ạt, thiếu cân nhắc dẫn đến cán bộ không đủ phẩm chất và năng lực để đảm đương nhiệm vụ.

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị và chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo kiện toàn tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các sở, ban, ngành, đoàn thể, bố trí cán bộ lãnh đạo quản lý điều hành các công việc và tham mưu giúp Tỉnh ủy. Bộ máy các ban của Tỉnh ủy gồm: Văn phòng, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra, Ban Dân vận, Ban Tài chính - Quản trị, Ban Kinh tế Tỉnh ủy và Báo Nam Hà nhanh chóng được kiện toàn. Trong buổi đầu mới tái lập tỉnh, mặc dù còn có nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cố gắng bảo đảm những phương tiện, điều kiện cần thiết cho các cơ quan hoạt động. Năm 1992, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đề bạt 30 đồng chí, trong đó 9 đồng chí cấp trưởng và 21 đồng chí cấp phó sở, ban, ngành của tỉnh. Điều động 17 đồng chí, trong đó 10 đồng chí cấp trưởng và 7 đồng chí cấp phó.

Ngày 19-7-1992, cử tri toàn tỉnh nô nức đi bầu cử đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khoá IX) và bầu bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ (1989-1994). Toàn tỉnh có 99,38% số cử tri đi bầu cử 14 đại biểu Quốc hội (khóa IX); 98,92% cử tri của 24 xã, thị trấn đã bầu cử bổ sung 5 đại biểu Hội đồng

nhân dân tỉnh. Cuộc bầu cử đảm bảo an toàn, dân chủ, đúng luật và đạt kết quả cao.

Ngày 03-7-1992, đồng chí Võ Văn Kiệt, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã đến thăm và làm việc với Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Sau khi khảo sát tình hình thực tế và nghe các đồng chí lãnh đạo tỉnh báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong 5 năm (1986-1991) và tình hình 6 tháng đầu năm 1992. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng biểu dương cán bộ, đảng viên và nhân dân Nam Hà, đã phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết thi đua lao động sản xuất và công tác đạt được những thành tựu quan trọng trong xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở phân tích tình hình công nghiệp, nông nghiệp và các lĩnh vực khác của tỉnh, làm việc với lãnh đạo tỉnh, đồng chí Võ Văn Kiệt nhấn mạnh: Trong công nghiệp, Nam Hà phải khắc phục khó khăn, tranh thủ đẩy mạnh sản xuất, sản xuất là gốc và gắn sản xuất với thị trường, cần tiếp tục đầu tư để phát triển. Mở rộng, khuyến khích, tạo điều kiện cho thành phần kinh tế tư nhân và ngành nghề truyền thống phát triển. Trong nông nghiệp, ngoài trồng lúa cần đẩy mạnh phong trào trồng cây vụ đông, cây công nghiệp, cây ăn quả; tập trung khai thác phát triển kinh tế biển. Đối với công tác xã hội, tỉnh cần quan tâm đến những đối tượng gia đình chính sách, gia đình nghèo bằng cách cấp vốn, cấp đất để họ vươn lên thoát nghèo. Tập trung xây dựng quy hoạch thị xã Hà Nam theo hướng văn minh, hiện đại.

Thực hiện Điều lệ Đảng và được sự nhất trí của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ VIII⁽¹⁾ được tổ chức từ ngày 10 đến ngày 12-8-1992, tại Hội trường 3-2, thành phố Nam Định. Tham dự Đại hội có 366 đại biểu thay mặt cho gần 12 vạn đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời trình bày tại Đại hội nêu rõ tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Về nông nghiệp: Sản lượng lương thực quy thóc bình quân 5 năm (1986 - 1991) tăng 11,2% so với bình quân 5 năm (1981-1985). Bình quân lương thực quy thóc từ 298kg/người năm 1985, lên 342 kg/người năm 1990. Sản lượng thịt lợn xuất chuồng hai năm 1990-1991 tăng 33% so với năm 1985, tốc độ tăng bình quân 5,9%/năm.

Giá trị sản lượng công nghiệp bình quân tăng 1,4%/năm, năm 1990 tăng 7,2% so với năm 1985. Kinh tế ngoài quốc doanh có bước phát triển với nhiều hình thức đa dạng, thu hút nhiều người lao động, giá trị tổng sản lượng đạt 62,7 tỷ đồng, gấp 3,2 lần so với năm 1985.

Giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 17,2%/năm. Ngành tài chính, ngân hàng bước đầu chuyển hướng theo cơ chế mới, có nhiều cố gắng tạo thêm nguồn thu cho ngân sách và huy động các nguồn vốn, đầu tư cho mục

(1). Trước khi hợp nhất với Đảng bộ tỉnh Ninh Bình thành lập Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh, Đảng bộ tỉnh Nam Hà đã tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ VII.

tiêu kinh tế - xã hội góp phần khống chế lạm phát chung. Các ngân hàng chuyên doanh được xây dựng và đi vào hoạt động có hiệu quả. Đời sống nhân dân ổn định, có mặt được cải thiện.

Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, thông tin, thể thao, văn nghệ, báo chí bước đầu đổi mới cả nội dung và hình thức hoạt động. Ngành giáo dục của tỉnh Nam Hà là một trong 4 tỉnh được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học. An ninh, quốc phòng được tăng cường, củng cố.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân có chuyển biến tích cực theo hướng phát huy dân chủ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác tổ chức cán bộ bước đầu sắp xếp theo hướng gọn nhẹ, trong 5 năm cấp tỉnh giảm 25 đầu mối, huyện giảm 130 đầu mối.

Song, nhìn chung trên địa bàn toàn tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, yếu kém, nhiều vấn đề kinh tế, xã hội bức xúc chưa được giải quyết. Đại hội cũng chỉ rõ nguyên nhân và những kinh nghiệm của quá trình thực hiện đường lối đổi mới ở địa phương.

Quán triệt quan điểm, đường lối Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của 5 năm (1991-1995) là: Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tập trung khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Triển khai đồng bộ cơ chế quản lý mới, giải phóng triệt để mọi năng lực sản xuất, đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng

xã hội chủ nghĩa. Xây dựng cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ, xuất khẩu hợp lý, có hiệu quả. Giải quyết việc làm cho người lao động, giảm mạnh nhịp độ tăng dân số. Nâng cao chất lượng y tế, văn hoá, giáo dục, tăng cường sức khoẻ, nâng cao hưởng thụ văn hoá và trình độ dân trí cho nhân dân phù hợp với nền kinh tế. Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Đổi mới hoạt động của Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội.

Đại hội nêu rõ một số mục tiêu chủ yếu phấn đấu của tỉnh đến năm 1995: Tổng thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm 4,5%. Nhịp độ tăng giá trị sản lượng nông nghiệp bình quân từ 4 đến 4,2%/năm. Sản lượng lương thực quy thóc bình quân đạt 820.000 tấn/năm. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 40.000-42.000 tấn/năm. Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp tăng 4-5%/năm. Tổng kim ngạch xuất khẩu đến năm 1995 đạt từ 15 đến 20 triệu USD. Hạ tỷ lệ phát triển dân số đến năm 1995 còn 1,7%.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá VIII gồm 47 đồng chí. Ngày 12-8-1992, Ban Chấp hành Đảng bộ họp phiên toàn thể lần thứ nhất bầu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Bùi Xuân Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ. Các đồng chí Trần Văn Truyền, Đặng Khôi được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Quán triệt quan điểm xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, Tỉnh uỷ đặc biệt chú trọng lãnh đạo và chỉ đạo công tác củng cố, xây dựng Đảng bộ trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Trong công tác chính trị, tư tưởng, Tỉnh uỷ tiến hành tổ chức quán triệt các Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII từ tỉnh đến cơ sở nhằm giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thấm nhuần đường lối, chủ trương của Đảng trong sự nghiệp đổi mới.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về *Đổi mới và chỉnh đốn Đảng*, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xây dựng kế hoạch, xác định rõ yêu cầu, mục tiêu và nội dung các bước tiến hành để các huyện, thành, thị uỷ và các đảng uỷ trực thuộc hướng dẫn các chi, đảng bộ thực hiện. Triển khai kế hoạch của Tỉnh uỷ, các huyện, thành, thị uỷ, đảng uỷ trực thuộc chỉ đạo các cấp uỷ cơ sở tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 đến cán bộ, đảng viên. Toàn Đảng bộ có 95% đảng viên học tập và thảo luận. Qua học tập, đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình nhất trí cao với nhận định đánh giá của Trung ương về công tác xây dựng Đảng. Qua đó, cán bộ, đảng viên nhận thức đúng đắn về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, xây dựng đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, nâng cao vai trò, trách nhiệm của đảng viên trên cương vị công tác được giao.

Cùng với triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tiếp tục phổ biến quán triệt Chỉ thị số 23-CT/TW, năm 1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) *Về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới*, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy rõ hơn âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình” của đế quốc và các thế lực phản động, kích động bạo loạn gây rối làm cản trở công cuộc đổi mới của Đảng, và nhân dân ta. Qua đó, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh có sự chuyển biến về nhận thức tư tưởng, có ý thức cảnh giác trước âm mưu của kẻ thù; đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật trong bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền.

Tỉnh uỷ đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng và phát triển đảng viên mới. Trong quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII), Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, các Ban xây dựng Đảng phối hợp với các huyện, thành, thị uỷ, đảng uỷ trực thuộc tiến hành khảo sát thực trạng tình hình hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Toàn tỉnh, có 1.249 tổ chức cơ sở Đảng, với tổng số gần 12.000 đảng viên. Nhằm khắc phục tình trạng tỷ lệ đảng viên sinh hoạt chi bộ thấp, nội dung sinh hoạt nghèo nàn, Tỉnh uỷ chỉ đạo tổ chức sắp xếp các chi, đảng bộ xã, phường, thị trấn theo địa bàn dân cư để phù hợp với nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới (đã giảm được 79,7% Đảng bộ bộ phận). Đối với tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp Nhà

nước, gắn với việc sắp xếp doanh nghiệp theo Quyết định 315/HĐBT và Nghị định số 388/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, về tổ chức đảng chuyển về các huyện, thị, thành uỷ quản lý. Đồng thời đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh.

Qua hơn 3 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII), các tổ chức cơ sở đảng có nhiều chuyển biến tích cực, điểm nổi bật là đã phát huy được vai trò hạt nhân lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng ở cơ sở, tạo nên sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Qua thực tiễn, nhiều chi, đảng bộ cơ sở và đảng viên năng động, sáng tạo vận dụng cơ chế, chính sách có hiệu quả, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên và năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng. Phong trào xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh có tiến bộ rõ rệt. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã mở Hội nghị quán triệt Hướng dẫn số 416-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương *Về xây dựng chi, đảng bộ vững mạnh* đến các huyện, thị, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc. Các tổ chức cơ sở đảng đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, rà soát lại từng tiêu chuẩn. Số tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh tăng từ 14% năm 1992, lên 70% năm 1995. Số tổ chức cơ sở đảng yếu kém giảm từ 9,2% năm 1992, xuống còn 3,4% năm 1995. Một số “điểm nóng” ở các huyện Kim Bảng, Lý Nhân, Bình Lục có chuyển biến tích cực.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên và tổ chức

cơ sở đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), từ tỉnh đến các huyện, thành, thị xã và cơ sở đã tiến hành rà soát, sắp xếp lại cơ quan Đảng, chính quyền và các đoàn thể theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

Thực hiện Quyết định số 72-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về tổ chức Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam*, tháng 12-1993, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ hướng dẫn và chỉ đạo thành lập 13 đảng bộ quân sự các huyện, thị, thành uỷ; kiện toàn và chỉ định Ban Chấp hành Đảng uỷ quân sự lâm thời cấp huyện, thị, thành uỷ do các đồng chí Bí thư huyện, thị, thành uỷ trực tiếp làm Bí thư Đảng uỷ quân sự cùng cấp. Bước đầu hoạt động đã phát huy tác dụng và hiệu quả.

Để đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị, Tỉnh uỷ chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quyết định số 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về thành lập Ban cán sự Đảng và Đảng đoàn các cấp*. Toàn tỉnh đã thành lập 41 Ban cán sự Đảng và 49 Đảng đoàn. Nhiều Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn cấp tỉnh nhanh chóng xây dựng quy chế làm việc ở các cơ quan, đoàn thể. Hoạt động của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng bước đầu có hiệu quả. Mối quan hệ giữa các ngành và các cấp, giữa Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng với các huyện, thành phố, thị xã có sự phối hợp chặt chẽ hơn, tạo được sự nhất trí trong công tác đánh giá, sắp xếp và bố trí cán bộ của ngành. Đồng thời, thành lập Ban Dân vận các huyện, thành, thị uỷ.

Công tác cán bộ từng bước đổi mới, lấy hiệu quả công việc và phẩm chất chính trị làm thước đo, tuân thủ quy

trình quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và đánh giá cán bộ, tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, tạo nên sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Từ 01-4-1992 đến 30-12-1993, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã đề bạt, bổ nhiệm và điều động 77 cán bộ diện Tỉnh uỷ quản lý, trong đó có 1 phó chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, 12 đồng chí bí thư, phó bí thư, chủ tịch uỷ ban nhân dân huyện, 31 đồng chí giám đốc, phó giám đốc sở và tương đương. Điều động và bổ nhiệm lại 13 đồng chí, trong đó có 5 cấp trưởng và 8 cấp phó ngành của tỉnh. Số cán bộ mới được đề bạt đều phát huy tác dụng tốt, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

Công tác đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ, đảng viên có nhiều tiến bộ. Tỉnh uỷ tiến hành khảo sát, xây dựng đề án tổ chức sắp xếp lại hệ thống các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh, huyện trên cơ sở hợp nhất trường Đảng tỉnh và trường Hành chính tỉnh thành trường Đào tạo - Bồi dưỡng cán bộ. Các trường Đảng huyện, thành, thị xã cũng tiến hành sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, từng bước phù hợp với yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Qua đó, chất lượng và hiệu quả đào tạo của tỉnh được nâng lên rõ rệt. Năm 1993, trường Đào tạo - Bồi dưỡng cán bộ tỉnh đã đào tạo, bồi dưỡng 1.741 cán bộ, với các chương trình lý luận chính trị cao cấp, trung cấp... Ngoài ra, Tỉnh uỷ còn cử hàng trăm cán bộ đi học ở các trường Trung ương về chuyên ngành quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước... Qua đó, trình độ đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành đã được nâng lên, nhất là trình độ quản lý kinh tế, dần dần thích ứng với cơ chế mới.

Tỉnh uỷ hết sức coi trọng công tác nâng cao chất lượng cấp uỷ chi bộ và chất lượng đảng viên. Hàng năm, chỉ đạo các huyện, thị, thành uỷ tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng cho các cấp uỷ, bí thư chi bộ thôn và khu dân cư. Huyện uỷ Kim Bảng ban hành cuốn “Sổ đảng viên” để theo dõi quản lý đảng viên. Cả huyện duy trì sinh hoạt chi bộ vào ngày mùng 3 hàng tháng. Các tổ chức cơ sở đảng tiến hành phân loại đảng viên theo Chỉ thị số 14-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Qua phân tích chất lượng đảng viên, đến năm 1995 có 74,3% số đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ, tăng 23,4% so với năm 1992; số đảng viên không đủ tư cách còn 0,6%; giảm 0,56% so với năm 1992.

Các cấp uỷ Đảng từ tỉnh đến cơ sở xác định công tác phát triển đảng viên mới là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, nhằm trẻ hoá đội ngũ đảng viên và tăng cường sức chiến đấu của Đảng. Ngày 09-7-1994, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 172-CT/TU *Về mở đợt vận động, giáo dục, bồi dưỡng phát triển đảng viên mới nhân kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Đảng*. Từ đầu năm 1992 đến tháng 6 năm 1995, toàn tỉnh đã kết nạp được 4.790 đảng viên, bằng 4,15% tổng số đảng viên. Đa số đảng viên mới kết nạp là lực lượng trẻ, có trình độ văn hoá và chuyên môn.

Công tác kiểm tra của Đảng được tăng cường. Các cấp uỷ Đảng coi trọng việc kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới chấp hành Điều lệ, chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Các cuộc kiểm tra của cấp uỷ tập trung vào việc quán triệt và thực hiện Nghị

quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VII); kiểm tra tình hình thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 114/TTg của Thủ tướng Chính phủ *Về đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu*; kiểm tra việc thực hiện quy chế làm việc của cấp uỷ cấp dưới... Đã kiểm tra 3.602 tổ chức Đảng và 99.414 lượt đảng viên về chấp hành nguyên tắc sinh hoạt, giữ gìn phẩm chất đạo đức và thực hiện quy chế làm việc. Qua kiểm tra đã góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp uỷ và giữ gìn kỷ luật Đảng.

Ủy ban kiểm tra các cấp luôn chủ động thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định và nhiệm vụ cấp uỷ giao, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm là tham mưu cho cấp uỷ thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII); kiểm tra đảng viên và tổ chức Đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đảng viên. Do đó, khắc phục từng bước những mặt yếu của tổ chức Đảng, của cấp uỷ trong việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, ngăn ngừa những sai phạm và xử lý kỷ luật nghiêm từng trường hợp sai phạm. Từ năm 1992 đến 1995, các cấp uỷ xử lý kỷ luật 48 tổ chức Đảng và 6.034 đảng viên, trong đó khai trừ ra khỏi Đảng bằng các hình thức chiếm 3,38% so với tổng số đảng viên.

Ngày 16-02-1994, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nam Hà được vinh dự đón đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về thăm và làm việc tại tỉnh. Trong thời gian làm việc tại tỉnh, đồng chí Tổng Bí thư và các đồng chí trong đoàn đã đến thăm,

kiểm tra tình hình hình sản xuất và đời sống nhân dân huyện Kim Bảng.

Tại Kim Bảng, Tổng Bí thư đã dành nhiều thời gian thăm hỏi đời sống nhân dân; việc chăm sóc, giáo dục thanh thiếu niên; việc thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng và người nghèo; khuyến khích nhân dân làm giàu. Đồng chí rất vui mừng vì đời sống của nhân dân cả nước nói chung và Kim Bảng nói riêng đã khá lên nhiều. Tuy nhiên, so với nhiều nước trên thế giới thì nước ta, tỉnh ta vẫn còn nghèo. Kim Bảng cũng như nhiều địa phương khác mới xoá được đói về lương thực. Số đông nhân dân vẫn còn đói về dinh dưỡng, vì vậy cấp uỷ, chính quyền phải có chương trình kế hoạch xoá đói, giảm nghèo đi vào từng việc cụ thể hơn.

Kim Bảng muốn thoát nghèo thì phải nắm vững đường lối của Đảng, phấn đấu liên tục, đây là cuộc chiến đấu gian khổ để thoát nghèo. Phải động viên nhân dân cần kiệm, chất chiu để làm giàu cho chính mình.

Làm việc với các đồng chí lãnh đạo tỉnh, Tổng Bí thư mong muốn cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh đoàn kết một lòng xây dựng quê hương Nam Hà giàu mạnh, văn minh. Nhân dịp này mới đồng chí chúc Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh: “No ấm, hạnh phúc, phát đạt”.

Thực hiện Điều lệ Đảng, tháng 01-1994, Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng diễn ra tại thủ đô Hà Nội. Hội nghị tiếp tục phát triển và cụ thể hoá đường lối Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, xác